

TRADUZIONE VIETNAMITA
DAO THI NGUYET E NGUYEN DINH PHONG
(CCOPEIN.VIE)

LA CHIESA COPTA: DALLA CONTEMPLAZIONE DEL MISTERO
NELLA DOTTRINA ALESSANDRINA ALLA VITA MONASTICA

GIÁO HỘI CÔP: TỪ SỰ CHIÊM NIỆM MẦU NHIỆM
TRONG GIÁO THUYẾT ALESSANDRIA ĐẾN ĐỜI
SỐNG ĐƠN VIỆN

INTRODUZIONE
IL PANORAMA COPTO ORTODOSSO OGGI

DẪN NHẬP
NHÌN CHUNG VỀ GIÁO HỘI CHÍNH THỐNG CÔP NGÀY NAY

Từ ngữ “côp” xuất phát từ những danh từ trong tiếng Hy Lạp cũng như trong tiếng Ả-rập – để chỉ những người Ai-cập¹. Tính theo tỷ lệ, cộng đoàn côp là một cộng đoàn Kitô hữu đông số nhất tại vùng Trung Đông². Vào năm 1995, Đức Thượng Phụ Shenouda đã cho biết con số tổng cộng tín hữu côp là 8.000.000. Thống kê năm 2000 tín hữu côp chính thống gia tăng lên đến 7-9 triệu người³, có khoảng 250.000 người công giáo côp và có khoảng 200.000 tín hữu Tin Lành côp⁴. Những số liệu thống kê khác đề ra con số (cho năm 1999) là 3.900.000 tín hữu Chính Thống không thuộc calcedonia⁵. Những Thượng Phụ côp được mang tước hiệu là người “Giáo

¹ A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cummington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «The word Copt is derived from the Greek word Aigyptos, which was, in turn, derived from "Hikaptah", one of the names for Memphis, the first capital of Ancient Egypt. The modern use of the term "Coptic" describes Egyptian Christians, as well as the last stage of the ancient Egyptian language script. Also, it describes the distinctive art and architecture that developed as an early expression of the new faith»; cfr W. Andrawiss, *Les Eglises orientales préchalcedoniennes*, in F. Lenoir – Y. T. Masquelier, *Encyclopédie des religions*, T. 1, Histoire, Paris 1997, p. 491; A. S. Atiya, *The Coptic Encyclopedia*, 8 vols, New York 1991; T. Orlandi, *Coptic Bibliography*, Roma 1995; idem, *La patrologia copta. Complementi interdisciplinari di patrologia*, Roma 1989; S. Timm, *Das christlich-koptische Ägypten in arabischer Zeit*, Wiesbaden 1984-1992; R. S. Bagnall – B. W. Frier, *The Demography of Roman Egypt*, Cambridge 1978.

² Ed. Draguet – A. Fayard, *Coptes*, in AA. VV., *Encyclopédie Catholique pour tous*, Paris 1992, p.153; V. Peri, *La Grande Chiesa Bizantina, l'ambito ecclesiale dell'ortodossia*, Brescia 1981.

³ A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cummington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «Today [as of the writing of this document in 1992 A.D.], there are over 9 million Copts (out of a population of some 57 million Egyptians) who pray and share communion in daily masses in thousands of Coptic Churches in Egypt. This is in addition to another 1.2 million emigrant Copts who practice their faith in hundreds of churches in the United States, Canada, Australia, Britain, France, Germany, Austria, Holland, Brazil, and many other countries in Africa and Asia. Inside Egypt Copts live in every province and in no one of these provinces are they a majority. Their cultural, historical, and spiritual treasures are spread all over Egypt, even in its most remote oasis, the Kharga Oasis, deep in the western desert. As individuals, Copts have reached prestigious academic and professional stature all over the world. One such individual is Dr. Boutros Boutros Ghali the Sixth United Nations Secretary-General (1992-1997). Another is Dr. Magdy Yacoub one of the world's most famous heart surgeons.

⁴ Cfr M. Shaoul, *Schema per studiare le Chiese orientali*, (pro manuscritto) Roma 2.000, p. 3.

⁵ Cfr R. Roberson, *The Eastern Christian Churches*, Rome 1999, p. 30.

Hoàng” – cư trú trong tu viện của Thánh Macario (những người thuộc Chính thống bizantino tại Alessandria). Thượng hội đồng của các Thượng Phụ, gồm 13 Tổng Giám Mục và 8 Giám Mục phụ tá. Hiện thời có 43 giáo phận tại Ai-cập (phần lớn tại miền Nam “Said”), có khoảng 80 Giám Mục (85 người trong năm 2004). Còn có 9 giáo phận tại Sudan, Rodesia, Etiopia, Congo dân chủ, Kenya. Có 12 tu viện, với khoảng 600 đan sĩ. Hiện tại có một số đan viện cấp theo cùng một kỷ luật trong khắp vùng Ai-cập. Những đan viện danh tiếng: Thánh Antonio (vùng biển Đỏ), Thánh Puola (vùng biển Đỏ), 4 đan viện lớn (thung lũng Natrun), Biển Mina (Alessandria). Có 6 đan viện nữ với khoảng 300 nữ đan sĩ cả thầy. Đại Chủng Viện ở tại Cairo, gần nhà thờ Chính Toà Thánh Marco, trong khi đó học viện các bề trên (thành lập năm 1954) được đặt trong phạm vi của các Thượng Phụ. Những điều kiện sống của Đức Thượng Phụ được đặt trên sự khắc khổ. Khuôn mẫu của sự chọn lựa và thi hành quyền bính trong Giáo hội Copt⁶. Từ thời Thánh Marco đến nay, đã có 117 Thượng Phụ cấp, cho đến Thượng Phụ hiện thời Shinoda (Shenouda) III (từ năm 1971). Có những tổ chức hỗn hợp giữa người giáo dân và giáo sĩ để giải quyết những vấn đề của Giáo hội và mối tương quan với xã hội⁷.

I

LE SORGENTI DELLA VITA ECCLESIALE COPTA: SITUARE LE ORIGINE NGUỒN MẠCH CỦA ĐỜI SỐNG GIÁO HỘI CỐP: VỀ CỘI NGUỒN

GLI INIZI DELLA FEDE CRISTIANA IN EGITTO NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA NIỀM TIN KITÔ GIÁO TẠI AI-CẬP

Theo truyền thống cổ xưa, Thánh Marco đã rao giảng Tin Mừng tại Ai Cập (khoảng năm 63), ngài đến từ Roma nơi mà ngài đã là môn đệ của Thánh Pietro. Trong những ngày đầu cư trú tại Alessandria, ngài đã lập cộng đoàn đầu tiên, và có lẽ sau đó ngài đã trở lại Ai-cập lần nữa, lúc đó cộng đoàn kitô hữu đã được lớn mạnh. Cộng đoàn này được đặt dưới sự bảo trợ của người môn đệ Thánh Pietro, đã duy trì một mối liên hệ mật thiết với cộng đoàn Kitô giáo Roma. Cộng đoàn này đã phát triển trên hết trong những lãnh vực của Do thái giáo, hơn nữa còn giữ được tương quan thường xuyên với Palestina.

⁶ J. Gründler, *Lexikon der christlichen Kirchen und Sekten*, B. I, Wien 1961, R. 806, N° 1605: «Der kopt. Patriarch hat seinen Sitz in Kairo. Seit einigen Jahrzehnten hat eine Laienvertretung, der K.-Rat, vor allem auf die Finanzverwaltung der K. Einfluß gewonnen, was zu mancherlei Auseinandersetzungen führte. Der Patriarch wird aus den Reihen der Mönche des St-Antonius Klosteroberen am Rotem Meer v. den Bischöfen, den Klosteroberen u. Laienvertretern gewählt. Ein neuer Wahlstatut ist in Ausarbeitung. Früher wurden 100 für die Patriarchenwürde taugliche Mönche vorgeschlagen, von denen 50 durch Stimmenmehrheit ausgesondert wurden. Aus diese 50 Kandidaten wurden 10 u. v. diesen wieder 3 ausgewählt. 1. Die Namen dieser 3 Kandidaten u. der Name Jesu wurden auf 4 Zettel geschrieben, die in einen Kelch gelegt wurden. Auf dem Altar, unter den man diesen Kelch gestellt hatte, wurden nun an 3 aufeinanderfolgenden Tagen 3 Messen gelesen. Während jeder dieser 3 Messe zog ein Kind je 1 Zettel aus dem täglich neu mit Zetteln versehenen Kelch. Derjenige, dessen Name während der 3 Tage zweimal gezogen wurde, war Patriarch. Wurde jeweils jedoch ein anderer Zettel oder der mit dem Namen Jesu Chr. versehene gezogen, dann begann die Prozedur v. neuem. Der Patriarch, der unabsetzbar ist, kann einen Nachfolger bestimmen. Er darf nichts am Bekenntnis, an der Disziplin oder am Kultus der K. Ändern und hat das alleinige Recht, das Chrisam für die Bischöfe zu konsekrieren. Er muß streng vegetarisch leben; der Brauch verbietet ihm sogar den Genuß von Fischen u. und verlangt, daß er nur selten Wein trinkt. Die Bischöfe werden v. Klerus und Volk aus der Mitte der Mönche gewählt. Sie regierten ihre Diözesen ziemlich unabhängig, leben nüchtern u. streng wie die Patriarchen. Er gibt heute noch 6 Klöster für Männer mit etwa 300 Mönchen u. 3 für Frauen mit einer unbekannt Anzahl von Nonnen. Seit 1897 sind die Oberen von 3 Männerkloster Bischöfe. In ihrer Blütezeit zählte die Kirche 81, Eide des 16. Jahrhunderts gab es nur mehr 10. Die Weltpriester werden meist aus den Reihen der verheirateten Handwerker gewählt. Sie tragen einen schwarzen Turban u. Bärte, jedoch keine langen Haare. Ihr Bildungsstand ist nicht hoch zu nennen».

⁷ A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cumington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «There are two other non-clerical bodies who participate in taking care of Church affairs. The first is a popularly-elected Coptic Lay Council, which appeared on the stage in 1883 A.D. to act as a liaison between the Church and the Government. The second is a joint lay-clerical committee, which appeared on the stage in 1928 A.D. to oversee and monitor the management of the Coptic Church's endowments in accordance with the Egyptian laws».

LO SVILUPPO DELL'EVANGELIZZAZIONE EGIZIANA SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆC RAO GIẢNG TIN MỪNG CỦA AI-CẬP.

Didaskaleion:

Khoảng năm 180 (190), Dimetri, người kế vị của Marco tại Alessandria, khởi hoạt một trường học Kitô giáo, được giao cho Panteno, nơi mà sẽ trở nên một trường Thần học lớn của Alessandria sau này⁸. Trong các tác phẩm của Clemente Alessandrino đã vạch ra một dự án tri thức lớn của Didaskaleion: đề ra những tư tưởng Hy Lạp để phục vụ cho sự thật Kitô giáo, kết hợp Tin Mừng với triết học, đào tạo người Kitô hữu được mở mang trí óc: cfr. Origene (185 - 253). Người kế vị Clemente, được coi là tinh thần xuất sắc của Kitô giáo xưa, lời giáo huấn của ngài nhằm để đưa mạc khải Kitô giáo vào luồng tư tưởng lớn của thời đại, ngài nhấn mạnh trên sự chú giải Kinh Thánh có tính phúng dụ và huyền bí.

Những cuộc bách hại.

Hoàng đế Settimo Severo -năm 202- lần đầu tiên đã đưa ra cho Ai-cập một chiếu chỉ cấm thực hành niềm tin Kitô giáo; rất nhiều Kitô hữu từ chối thuộc về Giáo Hội, nhưng cũng có nhiều người tử đạo. Phân chia đế quốc năm 286, Diocleziano giữ lại Ai-cập cho mình, và năm 297-298 ông bao vây Alessandria đàn áp người nổi loạn Achilleo. Sau cuộc chiến thắng, ông đối xử nghiêm khắc với dân thành, đó là một cuộc bách hại được coi là tàn nhẫn, đây là thời điểm mà các tín hữu cốp dùng làm điểm mốc cho kỹ nguyên của họ (năm thứ nhất trong lịch phụng vụ của họ) vào khởi đầu triều đại của ông năm (284). Giáo hội Ai-cập là một trong những giáo hội bị thử thách nhiều nhất, nhất là ở Tebaide. Sự kinh hoàng của cuộc bách hại lại tiếp diễn với cường độ lớn hơn (310-312) với tên tàn ác Massimo Daia. Năm 313 hoàng đế Costantino ra chiếu chỉ tự do tôn giáo cho các Kitô hữu.

Sự nảy sinh của đời sống ẩn tu

Origene đã đề cập đến các ẩn sĩ, họ lui vào hoang địa để tự hiến trong sự chiêm niệm và khổ hạnh. Thánh Antonio (251-356) và Paolo được coi là những người đầu tiên của đời sống ẩn tu Kitô giáo, Thánh Pacomio sẽ là người đầu tiên tổ chức đời sống ẩn tu⁹.

DALL'EDITTO DI MILANO A CALCEDONIA (313-451): UNA CHIESA IN ASPANSIONE NEL NUOVO CONTESTO DELL'IMPERO

⁸ A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cumington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «The Catechetical School of Alexandria is the oldest Catechetical School in the world. Soon after its inception around 190 A.D. by the Christian scholar Pantanaeus, the school of Alexandria became the most important institution of religious learning in Christendom. Many prominent bishops from many areas of the world were instructed in that school under scholars such as Athenagoras, Clement, Didymus, and the great Origen, who was considered the father of theology and who was also active in the field of commentary and comparative Biblical studies. Origen wrote over 6,000 commentaries of the Bible in addition to his famous Hexapla. Many scholars such as Saint Jerome visited the school of Alexandria to exchange ideas and to communicate directly with its scholars. The scope of the school of Alexandria was not limited to theological subjects, because science, mathematics and the humanities were also taught there: The question and answer method of commentary began there, and 15 centuries before Braille, wood-carving techniques were in use there by blind scholars to read and write. The Theological college of the Catechetical School of Alexandria was re-established in 1893. Today, it has campuses in Alexandria, Cairo, New Jersey, and Los Angeles, where priests-to-be and other qualified men and women are taught among other subjects Christian theology, history, Coptic language and art—including chanting, music, iconography, tapestry etc.».

⁹ J. Gründler, *Lexikon der christlichen Kirchen und Sekten*, B. I, Wien 1961, R. 796, N° 1605: «Schon Origenes erwähnt Asketen, die ein zurückgezogenes Leben in der Wüste führten. Die hl. Antonius u. Paulus, die im 3. Jh. lebten, werden als die ersten typischen Vertreter der eremit. Lebensform erwähnt. Der ein Jh. später lebende hl. Pachominus gilt als der 1. Organisator zönot. Mönchtums. Beide Formen des mönch. Lebens verbreiten sich v. Ägypten über den gesamten Orient u. Okzident».

TỪ SẮC LỆNH MILANO ĐẾN SẮC LỆNH CALCEDONIA (313-451): MỘT GIÁO HỘI LAN RỘNG TRONG HOÀN CẢNH MỚI CỦA ĐẾ QUỐC

Tòa tổng Giám Mục của Alessandria chiếm một tầm quan trọng và địa vị chính yếu trên toàn Ai-cập, được xác nhận trong công đồng Nicea (325)¹⁰. Khoảng năm 318/323 một linh mục (Ario) đã đưa ra một nền thần học về Chúa Ba Ngôi, nhấn mạnh đặc biệt đến Chúa Cha, duy nhất *aghénnetos* hoặc “không được sinh ra”. Sự nhấn mạnh ấy đã dẫn đến sự hạ thấp ngôi vị Chúa Con, Ngài không thể hiện hữu đời đời với Chúa Cha, cũng không là “không được tạo thành” như Chúa Cha. Ông đi đến khẳng định rằng Chúa Con không phải là Thiên Chúa thật, mà là một tạo vật cao nhất và hoàn hảo. Năm 324, một công đồng địa phương đã rút phép thông công ông và các đệ tử của ông. Những tư tưởng của ông đã được truyền bá tại Châu Á, gây ra cuộc lộn xộn đáng kể. Làm cho hoàng đế Costantino triệu tập công đồng chung Nicea năm 325, công đồng kết án Ario, tuyên bố Chúa Con “*Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha*”. Thánh Thượng Phụ Atanasio (328-373) gìn giữ tính chính thống trước sự chệch hướng của bè phái Ario; Người kế vị của ngài, Thánh Cirillo đã thiết lập một giáo huấn về sự hòa hợp của hai bản tính trong Đức Kitô¹¹. Teodosio trở thành hoàng đế, thuộc nhóm niceno, đã triệt hạ bè phái Ario: năm 380 ông đã buộc các thần dân theo đức tin được tuyên xưng bởi Damaso người Roma. Pietro người Alessandria, kế vị của Atanasio, triệu tập một công đồng chung tại Costantinopoli năm 381, tái khẳng định đức tin của Nicea. Do cái chết của Teodosio (395) vương quốc bị phân chia hoàn toàn. Ai-cập thuộc về đế quốc đông phương với thủ đô là Costantinopoli; đối lập với thế lực đế quốc của Alessandria và với thái độ tự phụ của Costantinopoli minh chứng qua sự chọn lựa về giáo huấn, thế lực không can thiệp vào những tranh cãi về giáo điều. Đa số sảy ra cho đến khoảng năm 400, khoảng năm 450 Kitô giáo là 80%, thậm chí 95 % dân chúng Ai-cập.

II dramma di Calcedonia

Thảm kịch của Calcedonia

Năm 447-448 một đan sĩ thuộc Costantinopoli “Eutiche” khai triển công thức của Cirillo “chỉ có một *physis* của Ngôi Lời nhập thể” có nghĩa là Thiên Tính của Đức Giêsu đã thu hút nhân tính, do đó Ngài không phải là “đồng bản thể với chúng ta trong nhân tính của Người”. Bị kết án bởi Giám mục của Costantinopoli, Eutiche có được sự bảo trợ của Teodosio I và sự ủng hộ của Giám mục Alessandrino Dioscuro (444-451). Teodosio I lại triệu tập công đồng Efeso và Đức Thánh Cha gửi một bức thư (tháng 6 năm 449) cho Đức Thượng Phụ của Costantinopoli, trong đó Đức Thánh Cha kết án Eutiche, và làm sáng tỏ rằng “*trong Đức Kitô có một ngôi vị và hai bản tính, nhân tính và thiên tính*”, nhưng Dioscuro đã hiểu sai. Cái chết của Teodosio I (tháng bảy năm 450) cho phép cuộc hội họp công đồng Calcedonia (tháng 10 và 11 năm 451),

¹⁰ J. Gründler, *Lexikon der christlichen Kirchen und Sekten*, B. I, Wien 1961, R. 796, N° 1605: «Der Bischof v. Alexandrien, der seit dem 4. Jh. den Titel eines Erzbischofs führte, war lange Jahre der einzige Metropolit im nördl. Afrika. Ihm unterstanden zuletzt etwa 100 Bistümer. Seine Stellung war zum so mächtiger, als in keinem anderen Teil der damal. christl. Welt die Bindungen zw. Metropolit u. Suffraganen so stark waren wie in Ägypten. Der alte Primat des Stuhles v. Alexandr. über das röm. Ägypten wurde 325 auf dem Konzil v. Nicäa bestätigt, womit er in den Rang eines Patriarchates, dem 2. nach Rom, erhoben wurde».

¹¹ J. Gründler, *Lexikon der christlichen Kirchen und Sekten*, B. I, Wien 1961, R. 796, N° 1605: «Während Alexandr. die arianischen Wirren mit gleichzeitig 4 schismat. Bischöfen in seinen Mauern dank der Standhaftigkeit seines Patriarchen, des hl. Athanasius (328-373), überwinden konnte, hatte es kaum 50 Jahre später mit der monophysit. Irrlehre schwer zu schaffen. Eutyches, der Archimandrit eines Klosters in Konstantinopel, war der erste, der als begeisterter Kämpfer gg. Nestorius selbst zum Irrlehrer u. zum Begründer des Monophysitismus wurde. Die neue Irrlehre breitete sich seit 431 im Patriarchat Alexandr. aus, so daß der Patriarch, der hl. Cyrill, als 1. Gegenmaßnahme eine eigene Formel über das Verhältnis der beiden Naturen in Chr. aufstellte. Sein Nachfolger Dioskur war aber Monophysit. Er versammelte 449 zu Ephesos eine Anzahl v. Bischöfen, die die Lehre des Eutyches für rechtläubig erklärten».

công đồng tuyên xưng trong Đức Kitô là *duy nhất về ngôi vị và có hai bản tính*, Dioscuro bị trục phế truất, các tín hữu Ai-cập lũ lượt kéo đến, họ dường như nhất trí với Dioscuro, vì sự kết án ông đã đem Ai-cập đến đổ vỡ với toàn Giáo hội. Thượng Phụ Protervo, được phái đến từ Costantinopoli để thay thế cho Dioscuro, bị ám sát năm 457 trong khi Thượng Phụ Timoteo Eluro tự đặt mình như là Thượng Phụ đầu tiên bất đồng ý kiến. Nỗ lực hòa giải của Viện Phụ Pietro Mongo với đồng cảm của hoàng đế Zenone, năm 482, ngăn chặn mọi bất đồng chia rẽ của các đan sĩ (không ai cầm đầu). Hoàng đế Giustiniano, với sự chọn lựa Thượng Phụ Paolo của Tabennese, tìm cách làm phản hồi ảnh hưởng của Giacomo Baradeo ở đông phương, nhưng không thành công. Những giáo thuyết giao động giữa tính không cảm thấy đau đớn của Đức Kitô (Giuliano Alicarnasso) cho đến lạc giáo Tam Thân (3 ngôi vị, 3 bản tính) của Giovanni Filopono người alessandria. Hoàng đế Giustino II thử một lần nữa sự hoà giải vào năm 566 (bị các đan sĩ từ chối), vì thế Eraclio sau khi chiến thắng chống người Ba Tư dựa trên giáo thuyết đơn thần trong khi đó gọi đến như Thượng Phụ của Alessandria Ciro (có lẽ trùng hợp với al-Muqawqis các nguồn Ả-rập, thương lượng hiệu xuất cho người Ả-rập trong năm 641).

La Chiesa copta sotto il dominio islamico (639-1799)

Giáo Hội Copt dưới sự thống trị của người Hồi Giáo (639-1799)

Khi Ai-cập thất trận do người hồi giáo, các kitô hữu "monofisiti" chiếm hầu hết toàn thể dân số. Các vua hồi giáo không khuyến khích những chuyên tâm đại đồng, vì chúng làm suy giảm sự thu nhập tài chính, bởi vậy những người cốp bị coi như là *dhimmi* (những người được bảo hộ), họ bị ép buộc trả tiền *giziyah* (thuế thân). Mặc khác, có phần để trốn thuế và cải tiến chính địa vị xã hội mà những người cốp bắt đầu theo hồi giáo, và dân số cốp trở nên bé nhỏ trong một đất nước hầu như bị hồi giáo hóa và Ả-rập hóa (khoảng năm 850). Những cuộc khởi nghĩa của Omayyadi và Abassidi, làm đổ máu đến cạn kiệt, đáng kể hơn là cuộc nổi loạn năm 830. Ngôn ngữ cốp bắt đầu biến mất, và người ta cảm thấy cần phải soạn thảo từ điển và văn phạm. Những người abassid (vua hồi giáo al-Mutawakki) đưa ra những y phục đặc biệt cho người cốp (ngày nay chỉ còn lại khăn xếp màu xanh đậm cho giới tu sĩ). Những triều đại Tulunida (868-905), Ikshididi (935-969) và Fâtimidi (969-1171) không phải là những người đàn áp già man đến người cốp. Những người gây bất lợi là al-Hàkim và al-Mustansir (với tể tướng al-Yazun). Người Ayyubidi (1171-1250) tàn nhẫn nhưng không chuyên chế. Người cốp phải chịu đựng lâu dài dưới sự quản lý dựa trên nền tảng nhận thức quan liêu bizantin. Từ năm 1250 đến 1517, người ta đã đối xử tàn khốc với người copti (chiều chỉ đóng cửa các nhà thờ 1301 – bị hủy diệt dưới sự cưỡng bách của vua Aragona và Bisanzio). Năm 1321 xảy ra một cuộc nổi dậy đại đồng phá hủy rất nhiều nhà thờ. Năm 1442, tòa thượng phụ tiếp nhận những quyết định của công đồng Firenze, không có kết quả tốt. Ngôn ngữ cốp dần dần đi đến chỗ chết chỉ như là thành ngôn ngữ sống; tuy nhiên người ta vẫn tiếp tục nói tiếng cốp trong một vài vùng hẻo lánh của Aicap, ít nhất cho tới thế kỷ XVIII.

I copti nell'Egitto moderno (1798 fino ai nostri giorni)

Những người cốp ở Ai-cập hiện đại (từ 1798 đến nay)

Việc ghi chép lịch sử hiện sinh cách chung thừa nhận rằng cuộc viễn chinh của Bonaparte trong miền đất của người Mamluchi đã kích động sự khởi đầu của ý thức dân tộc, đó là nguồn gốc của Ai-cập thời hiện đại. Thành tích quân đội đã làm nảy sinh khoa Ai-Cập học (với Champolion). Nhân vật mà cuối cùng phải đem lại cho người cốp một chút phẩm giá của họ theo

nghĩa quốc gia đó là Mohammed Ali (1805-1849), người Cha đích thật của Ai-cập thời mới (với đồng tiền của người Thổ Nhĩ Kỳ viên sĩ quan Al-ban-ni thành công chiếm lãnh thổ). Mohammed Ali đã nhận ra rằng ông giúp cho người cõp hòa hợp hơn với đời sống của đất nước, cũng như mở rộng hơn công cuộc truyền giáo cho ngoại kiều mà có thể tiến hành công việc to tát trong giáo dục và hoạt động xã hội¹². Kedivè Tawfiq (1879-1892) tuyên bố một cách long trọng sự bình đẳng giữa những người Kitô hữu và những người hồi giáo trước pháp luật, nguyên lý mà cuối cùng đã được lồng vào trong những luật cơ bản năm 1913, sau đó trong hiến pháp năm 1922.

Il rinnovamento con Cirillo IV (1854—1861) Cuộc cải cách của Cirillo IV (1854 – 1861)

Giáo hội cõp đã có một Thượng Phụ nổi bật đó là Cirillo IV. Thượng Phụ này đã hiểu ra được sự tái sinh của dân ngài, sau nhiều thế kỷ của sự áp bức và vô cảm, vì thế cần phải có một nền giáo dục: mở trường học, xây dựng nhà in đã đứng hàng thứ 2 trong nước, khuyến khích việc học của giới tu sĩ, đẩy mạnh việc giảng dạy phụng vụ cõp, sửa đổi cách thực hành. Tiến trình này đã bị gián đoạn do cái chết rất sớm của ngài năm 1861, ở tuổi 45.

A. Espansione progressiva dei copti cattolici e Protestanti Sự phát triển nhanh chóng của người công giáo và tin lành cõp

Sự thiết lập nền thống trị của Pháp-Anh, nhân viên thừa hành kiểm soát nợ của người Ai-cập (năm 1876), và việc người Anh đã chiếm đóng lãnh thổ, họ thay đổi mối tương quan về xã hội – chính trị, điều mà giúp ích cho cộng đoàn công giáo và tin lành cõp. Công việc giáo dục của dòng Phan-xi-cô, của dòng Tên và của các dòng tu công giáo khác đã làm tăng triển số tín hữu cõp hiệp nhất. Năm 1895, Đức Thánh Cha Leone XIII đã thành lập một tòa thượng phụ, trong đó người giữ chức vụ đầu tiên được chỉ định năm 1899.

Năm 1663 Peter Hilling, nhà truyền giáo đầu tiên của giáo hội Luterana, đã đến Ai-cập. Từ 1815, một vài hội truyền giáo tin lành, Anh, Hoa kỳ và Đức đã tìm cách định cư tại Ai-cập. Hoạt trình đã không mấy thành công. Năm 1899 được thành lập một hội đồng bị đô hộ cách rộng rãi bởi *United Presbyterian Church of Egypt*; cộng đoàn này dành được độc lập từ '*American Presbyterian Church*', năm 1926, và lấy tên là *Giáo Hội Phúc Âm cõp*. Năm 1902 Giáo Hội Phúc Âm được gọi là "Giáo Hội Phúc Âm Ai-cập". Năm 1958 lệ thuộc vào sự quản lý của Hoa kỳ. Hiện thời có tới 17 nhánh trong gia đình Tin Lành, trong số đó nhánh lớn nhất là nhánh giáo hội trường lão phúc âm (320 giáo phái).

II

LE CARATTERISTICHE DELL'INTENTO ECCLESIALE COPTO NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA CHỦ ĐÍCH THUỘC GIÁO HỘI CÕP

¹² J. Gründler, *Lexikon der christlichen Kirchen und Sekten*, B. I, Wien 1961, R. 800, N° 1605: «1811 begann mit Mohammed Ali die moderne Ara der ägypt Geschichte, mit der Folge, daß alle christl. Bekenntnisse unbehelligt blieben. Die neue Situation wurde auch v. den Protestanten genutzt. 1825 begann die anglikan. Church Missionary Society eine Mission unter den Kopten. 1855 folgten Missionare der heutigen United Presbyterian Church of North America. Alle versuchten, die kopt. K. in protestant. Sinne zu "reformieren". Ihre Tätigkeit rief den Widerstand der Bischöfe hervor u. erweckte die kopt. K. aus ihrer Lethargie. Die Reformtätigkeit endete daher damit, daß für die anglikan. gewordenen Kopten eine Missionsdiözese der Church of England, für die presbyt. Gem. aber eine eigene K., die Evangelical Church in Egypt, Synod of the Nile geschaffen wurde».

Luật căn bản theo Kinh Thánh được Atanasio thiết lập¹³. Từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ V một số bút tích được các Giáo Phụ Hy Lạp, kể cả các giáo phụ Ai Cập, cũng như Atanasio và Cirillo viết và giảng dạy bằng ngôn ngữ Copt. Văn hóa Copt không bao giờ yêu thích cách đặc biệt những luận đề thần học, nhưng ưa thích những tác phẩm tu đức và luân lý hơn, dựa theo những yêu cầu của các đan sĩ. Và ngay cả phụng vụ là sự biểu lộ phương hướng tu đức và luân lý, luôn xuất phát từ Kinh Thánh. Cho đến thế kỷ thứ X, bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng Copt đã có được một ảnh hưởng lớn trong Phụng vụ alessandria, vì thế cho đến hôm nay vẫn giữ ngôn ngữ Copt trong việc cử hành phụng vụ. Còn việc ảnh hưởng của Kinh Thánh lên truyền thống phụng vụ rất giàu biểu tượng và sự kiện kinh thánh đã được lấy trong những bản Kinh Thánh trọng yếu, như bản Bảy Mươi (LXX), cũng như những bản dịch Ai Cập (Saidico-Boairico). Lời Chúa có một tầm quan trọng trung tâm trong ngôn ngữ Copt, mà lưu ý đến sự việc lập lại và truyền bá Lời Chúa, hoặc giả là sự kính trọng (phương diện) mà bao quanh nó.

LA LITURGIA PHỤNG VỤ

Bí Tích Thánh Thể đặc biệt cho các tín hữu Copt là của thánh Marco, từ đầu được truyền bằng truyền thống miệng, bên cạnh những Phụng Vụ Thánh Thể đông phương như của thánh Basilio¹⁴. Phụng vụ vốn dĩ được sinh ra từ truyền thống chuyên biệt của Ai Cập. Nghi lễ alessandrino nảy sinh từ cuộc sống đan viện và bảo tồn nhiều yếu tố thuộc đan viện. Việc tôn kính các thánh bị ngăn cấm, nhưng vẫn có việc khẩn cầu cùng các thánh để xin sự bầu cử của các Ngài, nhất là việc khẩn cầu với Đức Trinh Nữ Maria xảy ra gần đây ở Ai Cập¹⁵.

La liturgia eucaristica Phụng Vụ Thánh Thể

Việc cử hành bắt đầu với nhập lễ của Linh Mục, đi lên bàn thờ, mặc lại áo lễ, cởi khăn trùm đầu, hôn bàn thờ, đọc thầm lời nguyện được gọi là chuẩn bị bàn thờ, sau đó đọc lời nguyện chuẩn bị bàn thờ. Tiếp đến vị chủ tế dang tay theo thể thức thanh tẩy trong khi đó đọc một lời nguyện. Đến phần dâng lễ, Linh Mục cầm lấy bánh thánh nâng lên ngang đầu để dâng lễ vật lên Thiên Chúa. Tiếp đến là phần ban phép lành trên lễ vật bằng một lời đối thoại giữa vị chủ tế và

¹³ Ch. Cannuyer, *I Copti*, Città del Vaticano 1994, p. 67.

¹⁴ A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cumington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «There are three main Liturgies in the Coptic Church: The Liturgy according to Saint Basil, Bishop of Caesarea; The Liturgy according to Saint Gregory of Nazianzus, Bishop of Constantinople; and The Liturgy according to Saint Cyril I, the 24th Pope of the Coptic Church. The bulk of Saint Cyril's Liturgy is from the one that Saint Mark used (in Greek) in the first century. It was memorized by the Bishops and priests of the church till it was translated into the Coptic Language by Saint Cyril. Today, these three Liturgies, with some added sections (e.g. the intercessions), are still in use; the Liturgy of Saint Basil is the one most commonly used in the Coptic Orthodox Church»; S. de BEAURECUEIL, *La prière eucharistique dans la liturgie égyptienne de St Basile*, in «Les Cahiers coptes», 1954 n° 6.

¹⁵ A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cumington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «The worship of Saints is expressly forbidden by the Church; however, asking for their intercessions (e.g. Marian Praise) is central in any Coptic service. Any Coptic Church is named after a Patron Saint. Among all Saints, the Virgin Saint Mary (Theotokos) occupies a special place in the heart of all Copts. Her repeated daily appearances in a small Church in Elzaytoun district of Cairo for over a month in April of 1968 was witnessed by thousands of Egyptians, both Copts and Muslims and was even broadcast on International TV. Copts celebrate seven major Holy feasts and seven minor Holy feasts. The major feasts commemorate Annunciation, Christmas, Theophany, Palm Sunday, Easter, Ascension, and the Pentecost. Christmas is celebrated on January 7th. The Coptic Church emphasizes the Resurrection of Christ (Easter) as much as His Advent (Christmas), if not more. Easter is usually on the second Sunday after the first full moon in Spring. The Coptic Calendar of Martyrs is full of other feasts usually commemorating the martyrdom of popular Saints (e.g. Saint Mark, Saint Mena, Saint George, Saint Barbara) from Coptic History».

Phó Tế. Theo sau là lời nguyện dài tạ ơn và lời nguyện xin ơn. Sau đó đến lúc hiến dâng bánh và chén thánh. Sua lời nguyện hiến dâng, vị chủ tế đẩy lễ vật lại và đi xuống khỏi bàn thờ. Vị chủ tế đọc thuộc lòng lời nguyện xông hương trước bài đọc tông thư của thánh Phao-Lô, ngài xông hương quanh bàn thờ ba lần, cũng như các ảnh thánh, các linh mục hiện diện, và toàn thể dân Chúa. Phụng vụ lời Chúa gồm các bài đọc, lời nguyện chuẩn bị và sách Tin Mừng, tiếp theo sau là phân tuyên xưng đức tin. Đỉnh Điem của nghi thức phụng vụ Thánh Thể là kinh nguyện Thánh Thể. Trong phụng vụ của thánh Basilio, được tiền diễn với lời nguyện hòa giải mà thiết lập việc chuẩn bị thiêng liêng. Kinh tiền tụng được kết thúc với kinh “Thánh, Thánh, Thánh” (Sanctus) cuối cùng bằng việc tường thuật bữa tiệc Ly, việc Tưởng Niệm và lời khấn nguyện Chúa Thánh Thần. Vẫn có đoạn dành cho các thánh và những người đã qua đời, tiếp theo là việc bẻ bánh, kinh Lạy Cha, chuẩn bị cho phần rước lễ, thánh vịnh rước lễ, lời nguyện tạ ơn, phép lành cuối lễ và giải tán các tín hữu.

L'anno liturgico copto
Năm phụng vụ Cóp

Năm phụng vụ được tính theo “thời đại các thánh tử đạo”, nghĩa là từ 29 tháng tám 284 sua Chúa Giáng Sinh, khởi đầu triều đại của Diocleziano, nhà bách hại lớn cho các kitô hữu. Những ngày lễ được chỉ định theo lịch gregorio. Những năm nhuận cần thêm một ngày từ ngày 12 tháng chín đến ngày 29 tháng hai. 365 ngày trong năm được chia ra 13 tháng : 12 tháng có 30 ngày, và sau cùng một tháng có 5 ngày (6 trong những năm nhuận).

Questi 13 mesi sono:
Đây là 13 tháng:

Thóout (Á Rập: Tút): 11 tháng chín - 10 tháng mười
Paopi (Bâbah): 11 tháng mười - 9 tháng mười một
Athór (Hátúr): 10 tháng mười một - 9 tháng mười hai
Khoiak (Kihah): 10 tháng mười hai - 8 tháng giêng
Tóbi (Túbah): 9 tháng giêng - 8 tháng hai
Mekhir (Amshir): 9 tháng hai - 9 tháng ba
Pharnenóth (Baramhát): 10 tháng ba - 8 tháng tư
Pharmouthi (Baramúdah): 9 tháng tư - 8 tháng năm
Pakhón (Bashuns): 9 tháng năm - 7 tháng sáu
Paóni (Baú'únah): 8 tháng sáu - 7 tháng bảy
Epép (Abib): 8 tháng bảy - 6 tháng tám
Mesori (Misrá): 7 tháng tám - 5 tháng chín
Pikoudi enabot (Khamsat Ayám an-Nasi): 6 tháng chín - 10 tháng chín

Le tre stagioni
Ba mùa

Có ba mùa tùy thuộc nhau, như toàn thể nhịp sống nông thôn của Ai Cập, của lụt lội từ sông Nile.

-Nạn lụt (*nîlî* = nile), kéo dài 123 hoặc 124 ngày, từ 12 Paóni đến 9 Paopi (19 tháng sáu - 19 tháng mười).

-Mùa gieo hạt (*shetwî* = mùa đông), kéo dài 91 ngày, từ mồng 10 Paopi đến mồng 10 Tóbi (20 tháng mười - 18 tháng giêng).

-Bầu khí quyển (*séfi* = mùa hè), mùa thu hoạch, kéo dài 151 ngày từ 11 Tóbi đến 11 Paóni (19 tháng giêng - 18 tháng sáu).

La settimana

Tuần

Một tuần Cóp có bảy ngày: bắt đầu từ thứ hai và kết thúc ngày chúa nhật. Một ngày phụng vụ bắt đầu từ lúc mặt trời lặn, vì thế “đêm tối ngày Chúa Nhật” là đêm trước, có nghĩa là đêm thứ bảy ở đông phương. Những ngày trong tuần được chia ra hai nhóm: *Adam*: từ ngày Chúa Nhật cho đến thứ ba / *Watos*: từ thứ tư đến thứ bảy.

Sự phân chia này tùy vào các bài hát phụng vụ được dùng trong những ngày này. Những danh từ *Adam* và *Watos* xuất phát từ *Theotokis* của ngày thứ hai và của ngày thứ năm. Thứ bảy và Chúa nhật có những phần chỉ dẫn đặc biệt, và không bao giờ có những ngày chay tịnh nếu không phải là ngày thứ bảy tuần thánh.

I digiuni

Ăn chay

Giữ chay ngày thứ tư và thứ sáu trong suốt năm, ngoại trừ những ngày lễ Ngũ tuần, và khi nào lễ Giáng và lễ Hiện Linh trùng vào những ngày này. Thông thường, ở Giáo Hội Cóp cử hành phụng vụ Thánh Thể mỗi ngày kể cả trong suốt thời gian chay tịnh.

Sáu lần ăn chay:

-Mùa Giáng Sinh, có 43 ngày (25 tháng mười một - 6 tháng giêng)

-Theo Giona, hay của Ninive; kéo dài 3 ngày, từ thứ hai đến thứ tư tuần thứ X trước Phục Sinh

-Theo Eraclio, từ thứ hai đến thứ bảy tuần thứ VIII trước Phục Sinh

-Mùa chay có 7 tuần

-Theo các Thánh Tông Đồ, thời gian có di dịch đôi chút từ 15 đến 49 ngày, từ thứ hai sau Lễ Ngũ Tuần đến ngày 12 tháng bảy (= 29 tháng sáu theo lịch gregorio), ngày lễ của các thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô.

-Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời, kéo dài 15 ngày, từ mồng 7 đến 22 tháng tám (25 tháng bảy -9 tháng tám theo lịch gregorio).

Feste fisse

Những ngày lễ cố định

Feste del Signore:

Những ngày lễ của Chúa:

7 lễ lớn: Truyền Tin, Giáng Sinh, Lễ Hiện Linh, Chúa nhật lễ lá, Phục Sinh, Thăng thiên, Lễ Ngũ tuần.

7 lễ thứ yếu: Lễ Cắt bì, Phép lạ đầu tiên ở Cana, (21 tháng giêng), Lễ dâng Chúa Giêsu trong đền Thánh, Thứ năm tuần thánh, Chúa Nhật theo thánh Tô-ma, Trốn sang Ai Cập (1 tháng sáu), Lễ Biến Hình.

Feste della Madre di Dio:

Những ngày lễ Mẹ Thiên Chúa:

-Sinh Nhật Đức Maria, Lễ dâng mình, Lễ Đức Maria an nghỉ (29 tháng giêng), Lễ Đức Mẹ hồn xác về trời, Lễ thánh Hiến Giáo Hội Mẹ Thiên Chúa ở Filippi (28 tháng sáu).

Feste dei santi:

Những ngày lễ kính các thánh:

-*Natruz* ("ngày mới"), lễ đầu năm (1 Thóout = 11 tháng chín), và ngày kính các thánh tử đạo; hai ngày lễ kính thánh giá: phát kiến ngày 14/27 tháng chín và ngày 6/19 tháng ba, lễ xuất phát lễ cổ sự tràn đầy của dòng sông Nile; thánh Marco, Tổng lãnh thiên thần Micae, hai thánh Phêrô và thánh Phaolô, Lễ thánh Gioan Tẩy Giả bị trầm quyết và lễ bồn mạng Giáo Hội. Còn tất cả các lễ khác chỉ các lễ tưởng niệm.

VITA SPIRITUALE E RINNOVAMENTO DELLA VITA ECCLESIALE ĐỜI SỐNG THIÊN LIÊNG VÀ SỰ ĐỔI MỚI ĐỜI SỐNG CỦA GIÁO HỘI

Vào thế kỷ XX, phong trào thiên liêng được gọi là "các trường của ngày Chúa nhật" đã có đầy triển vọng¹⁶, mặc dù các tín hữu cấp tại Ai Cập có những hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn có được một sự tái sinh thiên liêng trong đời sống giáo hội nhờ vào hoạt động của các giáo dân (các bạn trẻ và các sinh viên đại học) để mở rộng đến sự đổi mới sứ vụ và đời sống đan viện (nam giới và nữ giới), sự phục hồi đáng kể vào những năm 1950¹⁷. Các đan sĩ (có thể nhận biết trong chiếc áo choàng bằng lụa màu đen, với dây thắt lưng bằng da và Askin – băng vải đen lớn bằng hai ngón tay rủ xuống từ mũ đội đầu xuống gáy) họ còn là con số ít ỏi, là giới tu sĩ khổ hạnh, và không có chương trình đào tạo.

Đức Thượng Phụ Shenouda III đã đem hết sức mình vào việc cập nhật trong suy nghĩ và suy niệm Coptic chính thống trên một số đề tài tu đức và thần học¹⁸.

II I PRESUPPOSTI DELLA RICONCILIAZIONE NHỮNG TIỀN ĐỀ CHO VIỆC HÒA GIẢI

¹⁶ W. Andrawiss, *Les Eglises orientales préchalcédoniennes*, in F. Lenoir – Y. T. Masquelier, *Encyclopédie des religions*, T. 1, Histoire, Paris 1997, p. 494.

¹⁷ W. Andrawiss, *Les Eglises orientales préchalcédoniennes*, in F. Lenoir – Y. T. Masquelier, *Encyclopédie des religions*, T. 1, Histoire, Paris 1997, p. 494 : «Mais, malgré toutes les vicissitudes de l'histoire, depuis quelques décennies, l'Eglise copte connaît un renouveau marquant qui fut d'abord l'oeuvre de laïcs réunis dans le mouvement des «Ecoles du dimanche». Habib Guirguis, l'archidiacre de la cathédrale Saint-Marc au Caire, a formé avec une centaine de jeunes universitaires le premier noyau de ce mouvement, dans le but de raviver le dynamisme de la communauté. Ils fixent trois directions à leur action: les uns s'attachent à reformer le monachisme du dedans; d'autres entreprennent des études théologiques, se font prêtres et deviennent curés de paroisses afin de vivifier le clergé séculier; d'autres, enfin, restent laïcs, animant les mouvements de jeunes dans les différents domaines de la vie sociale. Plusieurs foyers spirituels renaissent, le nombre de monastères passe de huit en 1950 à quatorze aujourd'hui, peuplés de moines fervents et instruits, gagnés à la perfection évangélique dans la lignée traditionnelle des Pères du désert. La vie monastique féminine suit, elle aussi, le mouvement du renouveau: six couvents de femmes comptent environ mille cinq cents religieuses et prennent part au développement de la vie spirituelle».

¹⁸ Shenouda III, *The Angels*, Abbassia 1998, content (The creation of the angels as souls of light. Their number, their holiness, and their ranks. The archangel Michael and the archangel Gabriel. The cherubim and the seraphim. The work of the angels with God. Their work in the second coming. Their work in annunciation and in delivering messages. Their work in mercy, and their guarding. Their work in punishment; vedere «Internet» 2001, <http://www.livres-religieux.com/EngN.html>».

IL CONTENZIOSO DOTTRINALE E SACRAMENTALE VIỆC TRANH LUẬN VỀ GIÁO HUẤN VÀ VỀ BÍ TÍCH

Trong những công thức Copt không sử dụng phần thêm ‘filioque’ trong kinh Tin Kính nhưng không có những luận chiến nổi bật. Bí tích rửa tội cử hành với tổng cộng ba lần chìm xuống nước, vì thế yêu cầu phải rửa tội lại những người không thực hành theo công thức của bí tích rửa tội này¹⁹.

IL CONTENZIOSO CON LA GESTIONE ROMANA DELLA CHIESA / TRATTATIVE ALTALENANTI DI UNIONE CON ROMA SỰ TRANH LUẬN VỚI VIỆC ĐIỀU HÀNH CỦA GIÁO HỘI RÔMA/NHỮNG THƯƠNG THUYẾT BẬP BÊNH VỀ VIỆC HỢP NHẤT VỚI RÔMA

Từ thế kỷ XII, một vài sự kiện về việc hợp nhất với Rôma đã đến gần, nhưng không đưa đến một kết quả khả quan nào, ngay cả vào năm 1237 với đức Thượng Phụ Cirillo III, cũng không kết quả vào dịp công đồng Firenze (1438-9), đoàn đại biểu Copt tại công đồng Firenze mồng bốn tháng tư năm 1442 ký văn bản *Cantate Domino*). Năm 1219 đã có cuộc viếng thăm đầu tiên của thánh Phan-xi-cô ở Ai Cập trong thời thập tự chinh, sau đó được duy trì một mối tương giao giữa các thầy Phan-xi-cô với Ai Cập. Năm 1636 được thành lập hai trung tâm Phan-xi-cô (ở Cairo và Alessandria), trùng hợp với khởi sự của việc thành lập của hàng giáo sĩ công giáo Copt. Vào thế kỷ XVII Đức Giám Mục Copt tại Gerusalemme đã đi đến hiệp thông với Rôma và thành lập ý hướng hiệp nhất²⁰: năm 1741, Amba Athanasius trở lại công giáo, tạo ra nguồn gốc phẩm trật hiệp nhất²¹. Đức Biền-Đức XIV đặt ngài làm đại diện Tông Tòa của cộng đoàn công giáo Copt Ai-Cập (\pm 2000), và sau đó quay về lại với Giáo Hội Chính Thống Copt. Năm 1824, Tòa Thánh đã đặt tòa Thượng Phụ cho những người công giáo Copt, nhưng chỉ tồn tại trên giấy tờ, cho đến khi các tín hữu công giáo Copt được phép bắt đầu xây dựng các nhà thờ riêng của họ vào năm 1829. Năm 1895 Đức Leone XIII đã phục hoạt tòa thượng phụ và năm 1899 đặt Cirillo Makarios làm Đức Thượng Phụ Cirillo II "cho các tín hữu Copt tại Alessandria". Từ 1898 ngài đã đưa vào những thực hành La-tinh và ngài đã phải từ chức năm 1908. Sầu ngài có ba đức Thượng Phụ cho đến Thượng Phụ đương nhiệm Stefanos II (từ năm 1986). Con số những tín hữu Copt công giáo năm 1999 là 197.000. Hiện tại có bảy Giám Mục (có hai vị làm trợ tá cho Đức thượng Phụ), với sáu giáo phận chính.

LE PROSPETTIVE APERTE DAI DIALOGHI INTERECCLESIALI NHỮNG VIỆN TƯỢNG ĐƯỢC MỞ RA TỪ NHỮNG ĐỐI THOẠI LIÊN GIÁO HỘI

¹⁹ G. Cereti, *Molte Chiese cristiane, un'unica Chiesa di Cristo*, Brescia 1992, p. 215.

²⁰ J. Gründler, *Lexikon der christlichen Kirchen und Sekten*. B. I, Wien 1961, R. 800, N° 1605: «1237 neigte der Patriarch Cyrill III. zu einer Union mit Rom, die aber nicht zustande kam. Zur Zeit des Konzils v Florenz, 1439 bis 1440, dann in der 2. Hälfte des 16. u. zu Beginn des 17. Jhs. kam es nochmals zu vergeblichen Unionsversuchen. 1741 hing. ging der kopt. Bischof Athanasius v. Jerusalem zur kath. K. über. Papst Benedikt XIV. übertrug ihm die Seelsorge über die einzeln konvertierten Kopten, die über ganz Agypten verstreut lebten u. v. Franziskanern der Kustodie des hl. Landes betreut wurden. Athanasius mußte Agypten meiden, da er dort sofort auf Betreiben des kopt. Patriarchen eingekerkert worden wäre. In Rom wurde damals für eine Union größeren Ausmaßes insoferne Vorbereitung getroffen, als der kopt. Kleriker des Kollegs der Propaganda in Rom, Michael Raphael Tuhi, mit der Herausgabe der liturg. Bücher des alexandrin. Ritus in kopt. u. arab. Sprache beauftragt wurde. Diese Ausgabe erschien 1736 u. 1764 in Rom. 1761 wurde Tuhi zum Praelatus ordinans seines Ritus u. Titularbischof v. Acante ernannt. Athanasius hatte als Apost. Vikar der K. nur wenige Nachfolger, die in Ägypten residieren konnten. Da eine Reise nach Europa für sie zu gefährlich war, erhielten nur wenige die Bischofsweihe».

²¹ A. COLOMBO, *Le origini de la gerarchia della Chiesa Copta nel secolo XVIII°*, Roma 1953.

Giáo Hội Copt là thành phần chủ động của Hội Đồng Tư Vấn của các Giáo Hội Trung Đông (CEMO), được thành lập năm 1974. Ngoài ra, Hội Đồng còn ủy quyền cho những vị đại diện tại Hiệp Hội giáo dục thần học vùng Cận Đông (ATENE). Hiệp Hội cố gắng hợp tác mục vụ cho việc hiệp nhất các kitô hữu vùng Trung Đông, tìm cách thích nghi với những tiến triển gần đây của Hội Giáo.

LE RELAZIONI CON LA CHIESA CATTOLICA DI COMUNIONE ROMANA NHỮNG TƯƠNG QUAN VỚI GIÁO HỘI CÔNG GIÁO RÔMA

Trong chuyến viếng thăm đầu tiên Rôma của vị lãnh đạo Giáo Hội Copt, Đức Thượng Phụ Amba Shenouda III (kỷ niệm lần thứ 1600 ngày tạ thế của thánh Atanasio), nhìn nhận về phía Copt cũng như phía Rôma, không chỉ có về vai trò chính trị được thừa hưởng từ đế quốc xưa, mà ngay cả trách nhiệm hướng dẫn tinh thần trong Giáo Hội của Đức Kitô²². Không thể nói đến sự chia rẽ mà không bao giờ tồn tại, để tăng cường từ những đề tài thần học, văn hóa và chính trị²³.

Vấn đề đại kết tiên nghiệm, không gì ngoài vấn đề của công đồng 'calcedonia'²⁴. Điểm hội tụ về đức tin diễn tả cách rõ ràng trong những cuộc đối thoại giữa Giáo Hội Copt và Giáo Hội Rôma²⁵. Nhấn mạnh trên sự khác biệt chính đáng của việc bày tỏ sự hiệp nhất về đức tin²⁶. Bản tuyên ngôn chung giữa Đức Giáo Hoàng Phaolô VI và Thượng Phụ Shenouda cho thấy quyền ưu

²² Cfr Shenouda III, *Allocution du Patriarche Shenouda III*, in, *La visite à Rome du Patriarche Shenouda III*, in «La documentation catholique», 1973 n° 1633, pp. 510-511 (etiam in «Osservatore Romano», 7-8 maggio 1973).

²³ Cfr Shenouda III, *Allocution du Patriarche Shenouda III*, in, *La visite à Rome du Patriarche Shenouda III*, in «La documentation catholique», 1973 n° 1633, p. 512 (etiam in «Osservatore Romano», 7-8 maggio 1973).

²⁴ Cfr le rettifiche sui malintesi a proposito del 'monofisismo' copto, in A. Bestavros, *The Christian Coptic Orthodox Church Of Egypt*, in «Internet» 2000, <http://www.coptic.net/>, etiam <http://cumington.bu.edu/cn/pictures/Icon.FlightToEgypt.gif>: «The Coptic Church has never believed in monophysitism the way it was portrayed in the Council of Chalcedon! In that Council, monophysitism meant believing in one nature. Copts believe that the Lord is perfect in His divinity, and He is perfect in His humanity, but His divinity and His humanity were united in one nature called "the nature of the incarnate word", which was reiterated by Saint Cyril of Alexandria. Copts, thus, believe in two natures "human" and "divine" that are united in one "without mingling, without confusion, and without alteration" (from the declaration of faith at the end of the Coptic divine liturgy). These two natures "did not separate for a moment or the twinkling of an eye" (also from the declaration of faith at the end of the Coptic divine liturgy). The Coptic Church was misunderstood in the 5th century at the Council of Chalcedon. Perhaps the Council understood the Church correctly, but they wanted to exile the Church, to isolate it and to abolish the Egyptian, independent Pope, who maintained that Church and State should be separate. Despite all of this, the Coptic Church has remained very strict and steadfast in its faith. Whether it was a conspiracy from the Western Churches to exile the Coptic Church as a punishment for its refusal to be politically influenced, or whether Pope Dioscurus didn't quite go the extra mile to make the point that Copts are not monophysite, the Coptic Church has always felt a mandate to reconcile "semantic" differences between all Christian Churches. This is aptly expressed by the current 117th successor of Saint Mark, Pope Shenouda III: "To the Coptic Church, faith is more important than anything, and others must know that semantics and terminology are of little importance to us." Throughout this century, the Coptic Church has played an important role in the ecumenical movement. The Coptic Church is one of the founders of the World Council of Churches. It has remained a member of that council since 1948 A.D. The Coptic Church is a member of the all African Council of Churches (AACC) and the Middle East Council of Churches (MECC). The Church plays an important role in the Christian movement by conducting dialogues aiming at resolving the theological differences with the Catholic, Eastern Orthodox, Presbyterian, and Evangelical Churches».

²⁵ Paul VI - Shenouda III, *Déclaration commune*, in, *La visite à Rome du Patriarche Shenouda III*, in «La documentation catholique», 1973 n° 1633, p. 515: «En accord avec nos traditions apostoliques transmises à nos Eglises et conservées en elles, et en conformité avec les trois premiers Conciles oecuméniques, nous confessons une seule foi en l'unique Dieu un en trois Personnes. La divinité du Fils unique incarné de Dieu, deuxième Personne de la Sainte Trinité, Verbe de Dieu, splendeur de sa gloire et image fidèle de sa substance, qui s'est incarné pour nous en prenant pour lui-même un corps réel avec une âme raisonnable, et qui avec nous a partagé notre humanité, à l'exclusion du péché. Nous confessons que notre Seigneur et Dieu, Sauveur et Roi de nous tous, Jésus-Christ, est Dieu parfait pour ce qui est de sa divinité, et homme parfait pour ce qui est de son humanité. En Lui sa divinité est unie à son humanité; cette union est réelle, parfaite, sans mélange, sans commixtion, sans confusion, sans altération, sans division, sans séparation. Sa divinité n'a été séparée de son humanité à aucun instant, pas même pendant un clin d'oeil. Lui qui est Dieu éternel et invisible, est devenu visible dans la chair et a pris la forme de serviteur. En Lui sont conservées toutes les propriétés de la divinité et toutes les propriétés de l'humanité, unies d'une façon réelle, parfaite, indivisible et inséparable».

²⁶ J. Willebrands, *Allocution du Cardinal Willebrands pour l'enthronisation du Patriarche copte Shenouda*, in «Information service», 1972 n° 16, p. 12: «Les manières diverses dont nous avons exprimé au cours des siècles la même foi chrétienne, dont nous avons vécu, sous la conduite du même Esprit, selon nos mentalités propres, la vie reçue du Christ et nous menant au Père, la variété de nos traditions qui mettent en valeur la richesse de l'unique et commune tradition reçue des Apôtres, tout cela bien loin de nous séparer, devrait au contraire nous rapprocher et nous unir pour nous compléter et nous enrichir réciproquement des dons que Dieu a fait et ne cesse de faire à nos Eglises».

tiên mà các ngài muốn xúc tiến việc đối thoại: Việc lượng định những khác biệt chính đáng dựa trên chúng từ chung²⁷. Cuộc họp đầu tiên của ủy ban hỗn hợp giữa Giáo Hội Copt chính thống và Giáo Hội Công Giáo đã diễn ra ở Cairo năm 1974.

I RAPPORTI CON LE CHIESE ORIENTALI NON CALCEDONENSI

NHỮNG TƯƠNG QUAN VỚI CÁC GIÁO HỘI ĐÔNG PHƯƠNG KHÔNG THUỘC CALCEDONIA

Tại Ai Cập có sự cộng tác bền chặt giữa Giáo Hội Copt chính thống và tiểu cộng đoàn Hy-Lạp chính thống; Đức Thượng Phụ cao niên Nicola VI từ năm 1971 đã đưa một số nhà thờ của ngài mà không có tín hữu cho các kitô hữu copt chính thống. Năm 1965 Hoàng Đế Hailè Selassie của Etiopia đã muốn triệu tập về Addis Abeba tất cả các Giáo Hội đông phương không thuộc calcedonia (copt, siria, armena, Ấn Độ, và các giáo hội khác) và Hoàng Đế đã nhận được sự hưởn ứnng nhiệt tình từ phía giáo hội Copt.

LE RELAZIONI CON LE CHIESE ORTODOSSE BIZANTINE NHỮNG TƯƠNG QUAN VỚI CÁC GIÁO HỘI CHÍNH THỐNG BIZANTINA

Vào thế kỷ XIX, với Đức Thượng Phụ Cirillo IV đã có được những mối tương quan bền chặt và khả quan giữa giáo hội copt và các giáo hội truyền thống bizantina. Đức Thượng Phụ Shenuda III, từ lúc bắt đầu triều đại của ngài, đã thực hiện một số cuộc viếng thăm đại kết đến các vị lãnh đạo của các giáo hội (năm 1972 đã viếng thăm các thượng phụ: Pimen của Mosca, Giustiniano của Romania, Massimo của Bulgaria, Dimitrios của Costantinopoli).

IL RIAVVICINAMENTO CON LA COMUNIONE ANGLICANA MỐI GIAO HẢO VỚI CỘNG ĐỒNG ANH GIÁO

Bản tuyên ngôn chung đã được thiết lập năm 1987 với giáo hội Anh Giáo. Vấn đề truyền chức cho phụ nữ vẫn còn là một cản trở đáng kể trong đối thoại giữa giáo hội copt và cộng đồng Anh Giáo La.

²⁷ Paolo VI - Shenouda III, *Dichiarazione comune*, Testo italiano policopiato del SEGRETARIATO PER L'UNIONE DEI CRISTIANI, maggio 1973, p. 2: «Come un contributo al perseguimento di questo scopo, istituimo una commissione congiunta che rappresenta le nostre Chiese e che ha la funzione di guidare lo studio comune nei campi della tradizione della Chiesa, della Patristica, della Liturgia, della Teologia, della Storia e dei problemi pratici, in modo che attraverso la cooperazione si possa cercare di risolvere, in uno spirito di reciproco rispetto, le differenze esistenti tra le nostre Chiese e si riesca a proclamare insieme il Vangelo in modo confacente al messaggio autentico del Signore e alle esigenze e alle speranze del mondo contemporaneo. Nello stesso tempo, esprimiamo la nostra gratitudine e il nostro incoraggiamento agli altri gruppi di studiosi e di pastori Cattolici e Ortodossi che dedicano i loro sforzi ad attività comuni in questi settori e in altri a questi collegati» (testo francese, *La visite à Rome du Patriarche Shenouda III*, in «La documentation catholique», 1973 n° 1633, p. 515).

IL DIALOGO CON LE CHIESE DELLA RIFORMA CUỘC ĐỐI THOẠI VỚI CÁC GIÁO HỘI CẢI CÁCH

Năm 1663, Peter Hilling là nhà truyền giáo đầu tiên của giáo hội Tin Lành đã đến Ai Cập; sau ông cũng có rất nhiều nhà truyền giáo khác đã đến Ai Cập từ một số giáo phái Tin Lành. Từ 1902 Giáo Hội Phúc Âm được gọi là “Giáo Hội Phúc âm Ai Cập”. Năm 1958 Giáo Hội Phúc Âm dành được quyền độc lập hành chính từ Hoa Kỳ. Có gần 17 giáo phái Tin Lành, phái lớn nhất là nhóm Giáo Hội trưởng Lão (320 giáo hội). Đã có tám vị lãnh đạo trước vị đương nhiệm Safwat II Baiad.

Với Giáo hội phúc âm cấp, một phương thức đối thoại thần học được triển khai từ tháng mười một năm 1988 theo khởi xướng của Thượng Phụ Shenuda III và của Mục sư Samuil Habib.

UN CONSIGLIO INTERCRISTIANO HỘI ĐỒNG LIÊN KITÔ GIÁO

Hội đồng tư vấn cho việc phục vụ của các Giáo hội (EACCSE) tại Ai Cập giúp cho việc phối hợp các hoạt động từ thiện, xã hội và giáo dục của các giáo hội khác nhau.

I CRISTIANI NELLA CONVIVENZA CIVILE EGIZIANA CÁC KITÔ HỮU ĐỒNG CƯ VỚI DÂN AI CẬP

Đức Thượng Phụ Shenouda đã tạo ra một “Ủy ban liên đoàn cho pháp qui cá nhân”, được ủy nhiệm đệ trình lên chính phủ một đạo luật mới trong lãnh vực dân sự chung cho tất các kitô hữu Ai Cập.